TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày: 29/02/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Minh Phương**

Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ An Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ:*** Ông **Tô Văn Tông** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 539/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Quỹ tín dụng nhân dân N2.**

Địa chỉ: Số G, đường C, Khu dân cư T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1972 theo văn bản ủy quyền số 15/2023/UQ-HĐQT ngày 13/12/2023 (*Xin vắng mặt*).

Địa chỉ liên lạc: Số G, đường C, Khu dân cư T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: 1. Ông **Trương Minh N**, sinh năm: 1964 (*Vắng mặt*);

2. Bà **Nguyễn Thị Minh N1**, sinh năm: 1968 (*Vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Số A, đường C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân N2 trình bày và yêu cầu:

Quỹ tín dụng nhân dân N2 (Gọi tắt là Quỹ tín dụng) và vợ chồng ông Trương Minh N, bà Nguyễn Thị Minh N1 ký kết các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 074/2018/HĐTD/QTDNDNCT ngày 17/01/2018, số tiền vay 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) theo phương thức cho vay từng lần; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay 03 năm; Kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/lần; Lãi suất cho vay: 19,8%/năm, lãi suất phạt gốc quá hạn: 9,9%/năm/dư nợ gốc thực tế, lãi suất chậm trả trên số tiền lãi trong hạn: 9,9%/năm/số lãi chậm trả. Quỹ tín dụng đã giải ngân cho ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 số tiền vay 350.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 17/01/2018 và Giấy nhận nợ ngày 19/01/2018.

- Hợp đồng tín dụng số 276/2019/HĐTD/QTDNDNCT ngày 02/7/2019, số tiền vay 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) theo phương thức cho vay từng lần; Mục đích vay: Thực hiện công trình; Thời hạn vay 24 tháng; Kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/lần; Lãi suất cho vay trong hạn: 26,4%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Quỹ tín dụng đã giải ngân cho ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 số tiền vay 310.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 03/7/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 phải trả số tiền nợ gốc và lãi cho Q tín dụng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, cụ thể sau:

Hợp đồng tín dụng số 074/2018/HĐTD/QTDNDNCT ngày 17/01/2018 số tiền tạm tính đến ngày 29/02/2024 là 278.730.600 đồng, trong đó: Nợ gốc là 160.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 42.358.400 đồng, nợ lãi quá hạn 60.597.400 đồng, nợ lãi của tiền lãi trong hạn chậm trả 15.774.800 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 276/2019/HĐTD/QTDNDNCT ngày 02/7/2019 số tiền tạm tính đến ngày 29/02/2024 là 695.325.700 đồng, trong đó: Nợ gốc là

260.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 317.964.100 đồng, nợ lãi quá hạn 117.361.600 đồng.

Ngoài ra, yêu cầu ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/3/2024 cho đến khi hoàn trả đầy đủ số tiền nợ cho Quỹ tín dụng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- *Tại bản tự khai ngày 25/10/2023*, bị đơn ông Trương Minh N trình bày: Vào ngày 17/01/2018, ông và vợ là bà Nguyễn Thị Minh N1 vay của Quỹ tín dụng số tiền 350.000.000 đồng và ngày 02/7/2019 vay số tiền 310.000.000 đồng. Hiện số tiền gốc ông bà còn nợ Quỹ tín dụng là 160.000.000 đồng và 260.000.000 đồng, tổng cộng là 420.000.000 đồng. Ông cam kết sẽ trả nợ cho Quỹ tín dụng mỗi tháng 10.000.000 đồng kể từ ngày 01/01/2024.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh N1* đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nêu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên việc Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/02/2024 là **974.056.300 đồng** (Chín trăm bảy mươi bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm đồng), trong đó: Nợ gốc 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), lãi trong hạn 360.322.500 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng), lãi quá hạn 177.959.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng), nợ lãi của tiền lãi trong hạn chậm trả

15.774.800 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm đồng). Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 074/2018/HĐTD/QTDNDNCT ngày 17/01/2018 là 278.730.600 đồng, trong đó: Nợ gốc là 160.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 42.358.400 đồng, nợ lãi quá hạn 60.597.400 đồng, nợ lãi của tiền lãi trong hạn chậm trả 15.774.800 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 276/2019/HĐTD/QTDNDNCT ngày 02/7/2019 là 695.325.700 đồng, trong đó: Nợ gốc là 260.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 317.964.100 đồng, nợ lãi quá hạn 117.361.600 đồng.

Đồng thời, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/3/2024 cho đến khi hoàn trả đầy đủ tiền nợ cho Quỹ tín dụng theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Quỹ tín dụng nhân dân N2 khởi kiện yêu cầu buộc ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 trả tiền nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 có địa chỉ cư trú tại số A, đường C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

- Sau khi Tòa án thụ lý vụ án giải quyết vụ án, ngày 22/10/2023 bà Nguyễn Thị Minh N1 xuất cảnh đi nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu ông Trương Minh N cung cấp thông tin cư trú của bà N1 tại nước ngoài nhưng ông N không cung cấp, do vậy, Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét

xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 074/2018/HĐTD/QTDNDNCT ngày 17/01/2018, hợp đồng tín dụng số 276/2019/HĐTD/QTDNDNCT ngày 02/7/2019 cùng các tài liệu liên quan đến việc giải ngân tiền cho vay (Giấy nhận nợ ngày 17/01/2018, Giấy nhận nợ ngày 19/01/2018 và Giấy nhận nợ ngày 03/7/2019) đã thể hiện ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 đã vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân N2 cụ thể như sau:

- Ngày 17/01/2018, ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 vay số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 074/2018/HĐTD/QTDNDNCT ngày 17/01/2018; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay 03 năm; Kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/lần; Lãi suất cho vay: 19,8%/năm, lãi suất phạt gốc quá hạn: 9,9%/năm/ dư nợ gốc thực tế, lãi suất chậm trả trên số tiền lãi trong hạn: 9,9%/năm/số lãi chậm trả.

- Ngày 02/7/2019, ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 vay số tiền 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 276/2019/HĐTD/QTDNDNCT ngày 02/7/2019; Mục đích vay: Thực hiện công trình; Thời hạn vay 24 tháng; Kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/lần; Lãi suất cho vay trong hạn: 26,4%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân N2 nên Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tính đến hết ngày 29/02/2024, ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 còn nợ Quỹ tín dụng tổng số tiền là 974.056.300 đồng (Chín trăm bảy mươi bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm đồng), trong đó: Nợ gốc 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), lãi trong hạn 360.322.500 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng), lãi quá hạn 177.959.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng), nợ lãi của tiền lãi trong hạn chậm trả 15.774.800

đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm đồng). Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 074/2018/HĐTD/QTDNDNCT ngày 17/01/2018 là 278.730.600 đồng, trong đó: Nợ gốc là 160.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 42.358.400 đồng, nợ lãi quá hạn 60.597.400 đồng, nợ lãi của tiền lãi trong hạn chậm trả 15.774.800 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 276/2019/HĐTD/QTDNDNCT ngày 02/7/2019 là 695.325.700 đồng, trong đó: Nợ gốc là 260.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 317.964.100 đồng, nợ lãi quá hạn 117.361.600 đồng.

Đồng thời, ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Quỹ tín dụng kể từ ngày 01/3/2024 theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

[4] *Từ những phân tích nêu trên*, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 và Điều 471 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân N2.

Buộc bị đơn ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 phải trả cho Q tín dụng nhân dân N2 tổng số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 29/02/2024 là **974.056.300 đồng** (Chín trăm bảy mươi bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm đồng), trong đó: Nợ gốc 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), lãi trong hạn 360.322.500 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng), lãi quá hạn 177.959.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng), nợ lãi của tiền lãi trong hạn chậm trả 15.774.800 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm đồng). Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 074/2018/HĐTD/QTDNDNCT ngày 17/01/2018:

Nợ gốc: 160.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 42.358.400 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 60.597.400 đồng;

Nợ lãi của tiền lãi trong hạn chậm trả 15.774.800 đồng

+ Hợp đồng tín dụng số 276/2019/HĐTD/QTDNDNCT ngày 02/7/2019:

Nợ gốc: 260.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn 317.964.100 đồng;

Nợ lãi quá hạn 117.361.600 đồng.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/3/2024 theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí: Bị đơn ông Trương Minh N và bà Nguyễn Thị Minh N1 phải chịu 41.221.689 đồng (Bốn mươi mốt triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng).

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân N2 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.540.500 đồng (Mười tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0001369 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-TAND TPCT;
- VKSND.TPCT;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văng Thị Ngọc Yến